

Số: 67 /2016/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bố trí dân cư tỉnh Bắc Kạn
giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020”;

Xét Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân thông qua Dự án rà soát, bổ sung quy hoạch bố trí dân cư tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bố trí dân cư tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2025, với những nội dung sau:

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát:

Hạn chế thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra, ứng phó với biến đổi khí hậu; ổn định và nâng cao đời sống người dân vùng dự án; bố trí dân cư gắn liền với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đặc biệt ở các vùng rừng đầu nguồn, Vườn Quốc gia Ba Bể, Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ, huyện Na Rì và Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Mục tiêu cụ thể:

Hoàn thành bố trí ổn định dân cư ở các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng. Giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2025 bố trí ổn định dân cư cho 2.609 hộ dân. Trong đó, giai đoạn 2015 - 2020 tổ chức bố trí ổn định cho 1.088 hộ dân; định hướng giai đoạn 2020 - 2025 tổ chức bố trí ổn định cho 1.521 hộ dân.

Hình thành các cụm dân cư mới với kết cấu hạ tầng được hoàn thiện hơn và đáp ứng các phúc lợi công cộng, bố trí vùng sản xuất hợp lý theo quy hoạch và phù hợp với xây dựng nông thôn mới.

CHẤP T BẮC KẠN
NGUYỄN VĂN DIỆN
Số 5225
ngày 30/12/2016

Đến năm 2025, xây dựng, chỉnh sửa cơ bản hệ thống kết cấu cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng quy hoạch. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; phát triển các dịch vụ trên cơ sở khai thác lợi thế địa lý, tiềm năng về đất đai, sông hồ, tài nguyên phục vụ sản xuất hàng hoá.

Nâng cao đời sống sau bố trí, ổn định lại dân cư. Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo ở vùng dự án bố trí dân cư dưới 10%/ năm; tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 95%; sử dụng điện đạt 95 - 100%; tỷ lệ nhà kiên cố đạt 80%.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy hoạch bố trí dân cư các vùng thiên tai; đặc biệt khó khăn, vùng di cư tự do và khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng áp dụng:

Hộ gia đình bị mất nhà ở, đất ở, đất sản xuất do sạt lở đất, lũ quét, lũ ống, sụt lún đất, lốc xoáy;

Hộ gia đình sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất đá, lũ quét, lũ ống, sụt lún đất, ngập lũ, lốc xoáy;

Hộ gia đình sống ở vùng đặc biệt khó khăn về đời sống như: Thiếu đất, thiếu nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng, ô nhiễm môi trường và tác động phóng xạ;

Hộ gia đình di cư tự do không theo quy hoạch bố trí dân cư, đời sống còn khó khăn;

Hộ gia đình sinh sống ở khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài;

Cộng đồng dân cư tiếp nhận hộ tái định cư tập trung và xen ghép.

3. Phương án quy hoạch bố trí ổn định dân cư

a) Tổng số Dự án quy hoạch là 79; tổng số hộ dân thuộc diện quy hoạch là 2.609.

(Có danh mục các Dự án kèm theo)

b) Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ các vùng tái định cư:

San gạt mặt bằng: San mặt bằng cho các dự án bố trí dân cư tập trung, diện tích 280.100 m², tổng vốn đầu tư là 40 tỷ đồng.

Đầu tư nâng cấp đường giao thông 17,8 km, tổng vốn đầu tư là 35,6 tỷ đồng.

Đầu tư làm mới đường giao thông 48,1 km, tổng vốn đầu tư là 144,3 tỷ đồng.

Xây dựng công trình kè chống sạt lở, tổng vốn đầu tư là 5 tỷ đồng.

Thủy lợi: Xây dựng hệ thống công trình thủy lợi, đắp hồ đập, kênh mương, tổng vốn đầu tư là 35,4 tỷ đồng.

Nước sinh hoạt: Đầu tư hệ thống nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho 1.387 hộ dân, tổng vốn đầu tư là 56,7 tỷ đồng.

Nhà văn hóa: Đầu tư 28 công trình nhà văn hóa, tổng vốn đầu tư là 14 tỷ đồng.

Xây dựng lớp học: Đầu tư lớp học, nhà công vụ giáo viên, tổng vốn đầu tư là 7 tỷ đồng.

Đầu tư 47,2 km đường dây điện hạ thế 0,4 KV, tổng vốn đầu tư là 30,4 tỷ đồng.

Đầu tư 29 trạm biến áp 50 KVA, tổng vốn đầu tư 18 tỷ đồng.

Đầu tư 07 trạm biến áp 75 KVA, tổng vốn đầu tư là 4,9 tỷ đồng.

c) Quy hoạch phát triển sản xuất:

Hỗ trợ khai hoang và tạo nương cố định 290 ha, tổng vốn hỗ trợ là 3,3 tỷ đồng với 100% vốn ngân sách Trung ương.

Hỗ trợ trực tiếp mua phân bón, giống cây, dụng cụ sản xuất cho 778 hộ, tổng vốn hỗ trợ là 5,4 tỷ đồng với 100% vốn Trung ương.

Nhà nước hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ gia đình được bố trí ổn định đến vùng dự án bố trí dân cư để ổn định đời sống. Hỗ trợ cho 979 lao động, tổng vốn hỗ trợ là 2 tỷ đồng.

Tổng vốn đầu tư cho phát triển sản xuất là 10,7 tỷ đồng với 100% vốn Sự nghiệp kinh tế Trung ương hỗ trợ.

4. Giải pháp thực hiện

a) Cơ chế chính sách: Chính sách đất đai; chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; chính sách hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình; chính sách hỗ trợ cộng đồng bố trí dân cư xen ghép; các chính sách khác thực hiện theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015, định hướng đến năm 2020.

b) Giải pháp về nguồn vốn đầu tư:

Tổng vốn khái toán là 609,2 tỷ đồng. Trong đó: Vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương là 572,5 tỷ đồng chiếm 94%; vốn địa phương lồng ghép là 36,7 tỷ đồng chiếm 6%.

Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg, ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015, định hướng đến năm 2020.

Nguồn vốn ngân sách địa phương, vốn lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn để xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện công tác khuyến nông - lâm - ngư nghiệp, đào tạo cán bộ, phát triển nguồn lực, đào tạo nghề. Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trong vùng quy hoạch bố trí dân cư.

Phân kỳ nguồn vốn đầu tư quy hoạch: Giai đoạn 2015 - 2020 là 371,4 tỷ đồng và giai đoạn 2020 - 2025 là 237,8 tỷ đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa IX, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (Ủy ban TVQH);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, HS 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Du



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ TỈNH BẮC KẠN
GIẢI ĐOẠN 2015 - 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

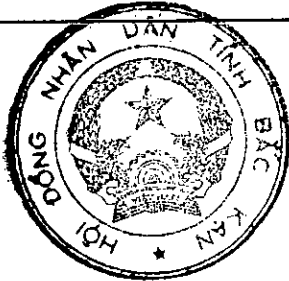
Kèm theo Nghị quyết số 67 /2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh)

STT	Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn					
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)			Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)		
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ
	TOÀN TỈNH	2.609	79	538	229	321	174	823	524
I	DỰ ÁN BỐ TRÍ TẬP TRUNG	712	20	538			174		
1	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư khẩn cấp thôn Nà Tu, xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông	59		59					
2	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai các vùng đặc biệt khó khăn khu Nà Mỏ, thôn Bản Mạn, xã Bằng Thành, huyện Pác Nặm	24		24					
3	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai sạt lở đất, đá lăn thôn Phiêng Liêng 2, xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn	21		21					
4	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai sạt lở đất thôn Nà Báy, xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn	15		15					
5	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai tại khu Pù Pèn, thôn Nà Chảo - Nà Tấu, xã Công Bằng, huyện Pác Nặm	30		30					
6	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn khu Khuổi Slua, thôn Bản Nà, xã Nghiên Loan, huyện Pác Nặm	20		20					
7	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn khu Cốc Lùng, thôn Bản Đính, xã Nghiên Loan, huyện Pác Nặm	20		20					

STT	Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn					
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)			Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)		
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ
8	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai khu Cốc Càng, thôn Pác Liễn, xã Nghiên Loan, huyện Pác Nặm	15		15					
9	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại khu Khen Đin, thôn Bản Nghè, xã Cổ Linh, huyện Pác Nặm	40		40					
10	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai tại thôn Khuổi Nộc, xã Lương Thượng, huyện Na Rì	86		86					
11	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai Cầu Văng Đeng, xã Lương Thượng, huyện Na Rì	16		16					
12	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn khu Phiêng Càng, thôn Nà Tàng, xã Hào Nghĩa, huyện Na Rì	60		60					
13	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng đặc biệt khó khăn khu Cốc Rằm, thôn Khuổi Vạc, xã Vũ Loan, huyện Na Rì	75		75					
14	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn khu Đẳng Mò, thôn Khuổi Đeng 2, xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới	25		25					
15	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Đông Dăm, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể	32		32					
16	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai tại khu Khuổi Kẹn, thôn Tân Hoi, xã An Thắng, huyện Pác Nặm	22					22		
17	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư các hộ nằm trong rừng đặc dụng khu Nà Lìn - Nà Tuồng, thôn Chợ B, xã Côn Minh, huyện Na Rì	37					37		

STT	 Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn					
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)			Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)		
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ
18	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn khu Tà Lạn, thôn Nà Diệc, xã Lạng San, huyện Na Rì	50					50		
19	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn thôn Cốc Phja, xã Ân Tình, huyện Na Rì	35					35		
20	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn khu Cốc Cướm, xã Cao kỳ, huyện Chợ Mới	30					30		
II	DỰ ÁN BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH TẠI CHỖ	826	23			321			505
1	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai khẩn cấp khu Nà Cáy, thôn Thôm Mò, xã Quân Bình, huyện Bạch Thông	23				23			
2	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn các thôn Lũng Lầu, Nậm Tộc, xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông	71				71			
3	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai các thôn Nam Đội Thân, Tân Thành, Nà Bàn, Khuổi Trang, Nà Kẹ, Nà Choong, Nà Diều, xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn	26				26			
4	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai các thôn, tổ thuộc phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn	33				33			
5	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Bó Mòn, xã Trung Hoà, huyện Ngân Sơn	16				16			
6	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Càng Cào, xã Trung Hoà, huyện Ngân Sơn	31				31			

STT	Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn					
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)			Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)		
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ
7	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Khuổi Slào, xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn	31				31			
8	Dự án hỗ trợ ổn định tại chỗ dân cư các thôn Thủy Điện, Địa Cát, Bó Lịn, Nà Ít, Nà Pái, Đon Bậy, xã Vi Hương, huyện Bạch Thông	100							100
9	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai các thôn Còi Mò, Nà Bản, Nà Xe, Nà Còi, xã Tân Tiến, huyện Bạch Thông	11							11
10	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Khuổi Khoang, thôn Nà Khoang, xã Vũ Muộn, huyện Bạch Thông	30							30
11	Hỗ trợ ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai tổ Tân Cư, phường Xuất Hóa, thành phố Bắc Kạn	9							9
12	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn các thôn Cốc Lào, Khâu Slôm, Nà Hin, Nà Thiêm xã Giáo Hiệu, huyện Pác Nặm	29							29
13	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư thôn Nà Mới, xã Hữu Thác, huyện Nà Rì	30							30
14	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Phía Páng, xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn	34							34
15	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Thái Lao, bản Cháo xã Yên Cư, huyện Chợ Mới	90				90			
16	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Nà Quang (Thảm Ca) xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới	18							18

STT	 Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn					
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)			Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)		
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ
17	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai thôn Nậm Bó, xã Yên Định, huyện Chợ Mới	10							10
18	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Mỏ Khang, Xã Hòa Mục, huyện Chợ Mới	13							13
19	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Cốc Pải, xã Địa Linh, huyện Ba Bể	21							21
20	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Tôm Làm, xã Bành Trạch, huyện Ba Bể	39							39
21	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Nà Chả, Phiêng Toản, Bản Piềng, Kéo Pứt, Dài Khao, xã Cao Trĩ, huyện Ba Bể	68							68
22	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng di cư tự do thôn Khuổi Đầy, xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	62							62
23	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Phiêng Đén, xã Tân Lập, huyện Chợ Đồn	31							31
III	PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ XEN GHÉP	1.071	36		229			823	19
1	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Pác Nậm, Khuổi Khí, xã Bằng Thành, huyện Pác Nậm	26			26				
2	Bố trí dân cư xen ghép dân cư vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn các thôn Nà Púng, Phia Bay, Bản Sáng, xã Cổ Linh, huyện Pác Nậm	22			22				

STT	Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn					
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)			Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)		
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ
3	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Nà Hoi, Khâu Vai, Nà Lầy, Khuổi Bè, Phiêng Lùng, Nà Nghè, Nà Phây, Lùng Páng xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm	63			63				
4	Bố trí dân cư xen ghép các thôn Khuổi Coóc, Tênh Kiết, xã Thượng Quan huyện Ngân Sơn	10			10				
5	Bố trí dân cư xen ghép dân cư vùng thiên tai tổ 1, tổ 2, tổ 6, tổ 7 thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới	37			37				
6	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai thôn Khuổi Lót, xã Thanh Bình và bố trí xen ghép cho một số hộ dân tại các thôn sau khi mở rộng Khu công nghiệp Thanh Bình Giai đoạn II, huyện Chợ Mới.	6			6				
7	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai thôn Nà Giáo, Loồn Lúng, Nà Nghè, Khuổi Luôm, Nà Pải, xã Yên Dương, huyện Ba Bể	32			32				
8	Bố trí dân cư xen ghép dân cư vùng rừng đặc dụng, thiên tai các thôn thuộc xã Khang Ninh, huyện Ba Bể	14			14				
9	Bố trí dân cư xen ghép dân cư vùng rừng đặc dụng và thiên tai tại thôn Khuổi Ken, xã Bàn Thi, huyện Chợ Đồn	19			19				
10	Bố trí dân cư xen ghép dân cư vùng thiên tai xã Tú Trĩ, huyện Bạch Thông	10						10	
11	Bố trí dân cư xen ghép dân cư vùng thiên tai các thôn Chiêng, Nà Váng, xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông	4						4	
12	Bố trí dân cư xen ghép dân cư vùng thiên tai thôn Cốc Thóc, xã Vi Hương, huyện Bạch Thông	5						5	

STT	 Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn					
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)			Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)		
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ
13	Sắp xếp xen ghép dân cư vùng đặc biệt khó khăn các thôn thuộc xã Nghiên Loan, huyện Pác Nặm	196						196	
14	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn các thôn Khuổi Ổ, Phai Khim, Nà Bẻ, Vy Lạp, Phiêng Tạc, Ngảm Váng, Nặm Khiếu, Slam Vẻ, xã Nhạn Môn huyện Pác Nặm	58						58	
15	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Nà Bản, Khấp Khinh, Cốc Nọt, xã Công Bằng, huyện Pác Nặm	8						8	
16	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Phiêng Puốc, Bản Nhảm, Nà Quạng, Chẻ Pang, Nà Lài, Ta Đào xã Cao Tân, huyện Pác Nặm	59						59	
17	Bố trí xen ghép dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Phiêng Cọng, Khuổi Khi, Khuổi Bốc xã Xuân La, huyện Pác Nặm	12						12	
18	Bố trí dân cư xen ghép và hỗ trợ ổn định tại chỗ vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn các thôn thuộc xã Cường Lợi, huyện Na Rì	7						1	6
19	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai các thôn thuộc xã Lam Sơn, huyện Na Rì	9						9	
20	Bố trí dân cư xen ghép và hỗ trợ ổn định tại chỗ vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn các thôn Pò Rản, Pò Lải, Pò Cạu, Nà Cầm, xã Văn Học, huyện Na Rì	7						1	6
21	Bố trí dân cư xen ghép và hỗ trợ ổn định tại chỗ vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn các thôn Sắc Sái, Khuổi Quân, xã Cư Lễ huyện Na Rì	6						3	3

STT	Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn					
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)			Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)		
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ
22	Bố trí dân cư xen ghép và hỗ trợ ổn định tại chỗ vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn các thôn Nà Bó, Nà Pí, Khuổi Tầy A, xã Liêm Thủy, huyện Na Rì	7						3	4
23	Bố trí dân cư xen ghép thôn Nà Pán, xã Trung Hòa, huyện Ngân Sơn	10						10	
24	Bố trí dân cư xen ghép thôn Khuổi Bin, xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn	11						11	
25	Bố trí dân cư xen ghép khu Lũng Pu, thôn Nà Lạn, xã Lãng Ngâm, huyện Ngân Sơn	8						8	
26	Bố trí dân cư xen ghép dân cư vùng đặc biệt khó khăn khu Thơm Bắc, thôn Mỏ Khang, xã Hòa Mục, huyện Chợ Mới	10						10	
27	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai, vùng rừng đặc dụng các thôn Nà Phai, Đán Mây, Nà Nghè, Khâu Qua, Nặm Dài, Bản Cắm, xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể	154						154	
28	Bố trí dân cư xen ghép vùng đặc biệt khó khăn và thiên tai các thôn thuộc xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể	70						70	
29	Sắp xếp dân cư xen ghép vùng đặc biệt khó khăn, thiên tai các thôn Tản Lướt, thôn Nà Biooc, xã Đồng Phúc, huyện Ba Bể	37						37	
30	sắp xếp dân cư xen ghép vùng thiên tai các thôn Nà Chả, Bản Ngù 1, Bản Ngù 2, xã Cao Trĩ, huyện Ba Bể	32						32	
31	Sắp xếp dân cư xen ghép vùng thiên tai các thôn Kéo Sáng, Nà Ché, Nà Tạ, Pia Khao, Nà Hán, Pác Phai, xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể	44						44	

STT	 Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn					
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)			Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)		
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ
32	Sắp xếp dân cư xen ghép vùng thiên tai các thôn Khuổi Sắng, Bản Hòn, Pác Châm, Lũng Diệc, Bản Lấp, xã Bành Trạch, huyện Ba Bể	6						6	
33	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai các thôn thuộc xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn	20						20	
34	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Nà Cà, Nà Huống, Bản Báy, Nà Mòn, Pắc Cộp, xã Yên Thượng, huyện Chợ Đồn	18						18	
35	Bố trí dân cư xen ghép vùng đặc biệt khó khăn thôn Vằng Dọc, xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	23						23	
36	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai các thôn thuộc xã Đại Sào, huyện Chợ Đồn	11						11	

